TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG ẢNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGD-ST
Ngày 13 tháng 7 năm 2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vương Đình Hoàng**
2. Ông **Lù Văn Hùng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2023/TLST-HN&GĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn***:** Chị **Lò Thị T1**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Bản N, xã ML, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Lò Văn T2**, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Bản L, xã ML, huyện MA, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 21/3/2023 và bản tự khai của chị T1 ngày 30/3/2023 nguyên đơn chị Lò Thị T1 trình bày:

- **Về hôn nhân**: Tôi và anh Lò Văn T2 đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2008 tại UBND xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Trước khi lấy nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động bên ngoài. Sau khi cưới tôi và anh T2 về chung sống tại bản L, xã ML, huyện Mường Ảng. Trong quá trình chung sống, tôi và anh T2 phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn giữa tôi và anh T2 ngày càng trầm trọng và không thể hoá giải. Mâu thuẫn quá lớn khiến tôi và anh T2 thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2018, tôi và anh T2 sống ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn

nhân không đạt được. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lò Văn T2.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và anh T2 có 02 người con chung là cháu Lò Thị A, sinh ngày 05/3/2009 và cháu Lò Thị L, sinh ngày 03/6/2010. Hiện nay các cháu đang sống cùng với tôi tại bản N, xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Nguyện vọng của tôi sau khi ly hôn là tôi được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, tài sản riêng: Tôi và anh T2 không có.

- Về nợ chung, nợ phải trả, nợ thu về: Tôi và anh T2 không có.

*** Bị đơn:** Anh Lò Văn T2 mặc dù được Tòa án thông báo và triệu tập nhiều lần và đúng quy định của pháp luật nhưng anh T2 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án:**

- Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Lò Thị A và Lò Thị L nguyện vọng của các cháu là muốn được ở với mẹ.

- Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Lò Thị T1 và anh Lò Văn T2 tại bản Lạn, xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Biên bản xác minh điều kiện kinh tế của chị Lò Thị T1.

*** Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tống đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Tuyên bố chị Lò Thị T1 được ly hôn anh Lò Văn T2.

- Con chung: Giao 02 cháu Lò Thị A, sinh ngày 05/3/2009 và cháu Lò Thị L, sinh ngày 03/6/2010 cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 24/3/2023, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án tiến hành tống đạt cho bị đơn là anh Lò Văn T2 theo quy định của pháp luật. Đồng thời Toà án triệu tập anh T2 lên Toà án để làm việc, Toà án đã tiến hành lập biên bản lấy lời khai của anh T2.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, đã tiến hành tống đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và tại buổi hòa giải ngày 22/5/2023 chị T1 có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt Quyết định theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 27/6/2023, bị đơn là anh Lò Văn T2 vắng mặt không có lý do lần thứ nhất, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử lại vào ngày 13/7/2023.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn là chị Lò Thị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình như đơn khởi kiện; Bị đơn là anh Lò Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Lò Văn T2.

[2] Nội dung vụ án:

* *Về hôn nhân*: Theo đơn xin ly hôn đề ngày 21/3/2023; nội dung bản tự khai của chị T1 ngày 30/3/2023 và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy: Chị T1 và anh T2 lấy nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2008 tại UBND xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị được họ hàng hai bên gia đình khuyên bảo và hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Nhưng từ năm 2018 chị T1 đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, nên chị T1 và anh T2 đã ly thân và không liên lạc hay quan tâm đến nhau mặc dù hai anh chị cùng bản và nhà gần nhau. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó,

điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh T2 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 điều 51 và khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị T1. Tuyên xử cho chị Lò Thị T1 được ly hôn với anh Lò Văn T2.

** Về con chung*: Chị Lò Thị T1 và anh Lò Văn T2 có 02 người con chung là cháu Lò Thị A, sinh ngày 05/3/2009 và cháu Lò Thị L, sinh ngày 03/6/2010. Chị T1 có nguyện vọng sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu A, cháu L đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay các cháu A và cháu L đang sinh sống ổn định và được chăm sóc, học tập tốt nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt, phù hợp với nguyện vọng của các cháu cần tiếp tục giao cháu cho chị T1 trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục các cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

** Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về*: Chị T1, anh T2 không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[3] Về án phí: Chị T1 là người dân tộc thiểu số và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hội đồng xét xử miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị T1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273 của BLTTDS 2015.
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84, Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình 2014.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T1: Chị Lò Thị T1 được ly hôn anh Lò Văn T2.

2. Về con chung: Giao cháu 02 cháu Lò Thị A, sinh ngày 05/3/2009 và cháu Lò Thị L, sinh ngày 03/6/2010 cho chị Lò Thị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị T1 không yêu cầu Toà án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Anh T2 có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên

hiệp phụ nữ thì Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Đương sự không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị T1.

5. Quyền kháng cáo: Chị T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T2 được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã ML, h.Mường Ảng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Vân